

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-4-2021.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Văn Bé.

Bà Huỳnh Thị Kim Ngọc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ái Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, về “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-DS, ngày 12 tháng 3 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Tuấn D, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Số 113/3 ấp Hôi Xuân, xã D, huyện C, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Số nhà 397A/5 ấp Vĩnh Xuân A, xã D, huyện C, tỉnh L.

(Ông D có mặt, bà Ph vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình xét xử, ông Huỳnh Tuấn D là nguyên đơn trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị Kim Ph được tổ chức lễ cưới vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh L vào ngày 29/10/2010.

Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Ph.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có người con chung tên Huỳnh Tuấn V, sinh ngày 04/01/2012, hiện nay ông đang trực tiếp nuôi con. Khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục giữ nuôi con chung, không yêu cầu bà Ph phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.  
*Bà Nguyễn Thị Kim Ph là bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Huỳnh Tuấn D xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Ph, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết. Bà Nguyễn Thị Kim Ph đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên cần áp dụng Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Kim Ph.

[2] Ông Huỳnh Tuấn D và bà Nguyễn Thị Kim Ph được tổ chức lễ cưới 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh L vào ngày 29/10/2010, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Qua lời khai trình của ông Huỳnh Tuấn D tại phiên tòa và các chứng cứ nguyên đơn xuất trình, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông D và bà Ph đã phát sinh mâu thuẫn, hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay, nhưng không hàn gắn đoàn tụ lại được. Ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với bà Ph. Bà Ph vắng mặt, không hợp tác giải quyết việc hôn nhân của hai đương sự. Xét thấy giữa hai đương sự đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng cả hai không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho ông Huỳnh Tuấn D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Ph, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Hai đương sự có với nhau 01 người con chung tên Huỳnh Tuấn V, sinh ngày 04/01/2012, hiện nay con chung do ông D đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông D yêu cầu được tiếp tục giữ nuôi con chung tên Huỳnh Tuấn V. Xét thấy yêu cầu của ông D phù hợp với nguyện vọng của con chung của hai đương sự nên chấp nhận yêu cầu của ông D. Ông D không yêu cầu bà Ph phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Bà Ph có quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông D khai trình không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Huỳnh Tuấn D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Kim Ph không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Cho ông Huỳnh Tuấn D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Ph.

2. Về nuôi con chung: Khi ly hôn ông Huỳnh Tuấn D được tiếp tục giữ nuôi con chung tên Huỳnh Tuấn V, sinh ngày 04/01/2012, đến tuổi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị Kim Ph không phải cấp dưỡng nuôi con; được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Ông Huỳnh Tuấn D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Cho chuyển số tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp là 300.000 đồng sang khoản án phí phải thi hành, theo biên lai thu số 0000813 ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã D, huyện C, tỉnh L;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)

Phạm Văn Thái